

THÔNG BÁO

Về việc Kế hoạch học tập các học phần Giáo dục quốc phòng của đại học chính quy khóa 11 học kỳ 1 năm học 2022 - 2023

Căn cứ Nghị quyết số 334/NQ-HĐTĐHHN ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng trường Trường đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động;

Căn cứ Quyết định số 2223/QĐ-TĐHHN ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc ban hành kế hoạch đào tạo và dự kiến giao khối lượng trình độ đại học chính quy khóa 9,10,11 – Năm học 2022 – 2023;

Nhà trường thông báo tổ chức học học phần Quốc phòng & an ninh (Học phần III – Quân sự chung, Học phần IV - Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật) học kỳ 2 năm học 2022 – 2023 như sau:

1. Thành phần sinh viên tham gia học:

Sinh viên đại học chính quy khóa 11 thuộc các ngành: Bất động sản, Luật, Tài nguyên nước, Sinh học ứng dụng, Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Marketing, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Ngôn ngữ Anh, Quản lý đất đai, Kỹ thuật địa chất, Quản lý biển, Khí tượng và khí hậu học, Thủy văn học, Kỹ thuật trắc địa bản đồ, Quản lý môi trường, Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững, Quản trị du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Logistic và quản lý chuỗi cung ứng (dự kiến 3525 sinh viên).

2. Thời gian, địa điểm học và thi:

Đợt	Tên lớp	Số lượng sinh viên dự kiến	Thời gian học và thi
1	ĐH11BDS1,2,3,4,5,6	343	22/8 – 30/8/2022
2	ĐH11LA1,2,3,4,5,6 ĐH11TNN, ĐH11SH	348	05/9 – 19/9/2022
3	ĐH11ĐA, ĐH11KTTN ĐH11LQ1,2,3,4,5	355	19/9 – 03/10/2022

4	ĐH11MK1,2,3,4,5,6 ĐH11M2	350	03/10 – 17/10/2022
5	ĐH11M1, ĐH11NA1 ĐH11MK7,8,9,10,11	363	17/10 – 31/10/2022
6	ĐH11NA2,3,4; ĐH11QĐ1,2,3 ĐH11KĐ, ĐH11QB, ĐH11K	360	31/10 – 14/11/2022
7	ĐH11QĐ4,5,6,7,8,9 ĐH11T; ĐH11TĐ	353	14/11 – 28/11/2022
8	ĐH11QM1,2,3,4,5 ĐH11BK	328	28/11 – 12/12/2022
9	ĐH11QTDL1,2,3,4,5,6 ĐH11QTKS2	363	12/12 – 26/12/2022
10	ĐH11QĐ10,11,12 ĐH11QTKS1,3,4,5	362	26/12 – 08/1/2023

Địa điểm học và thi: Phân hiệu Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại Thanh Hóa, số 04, Trần Phú, phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

3. Kinh phí đưa đón và sinh hoạt phí tại phân hiệu:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Mức thu	Thành tiền	Ghi chú
1	Tiền đưa, đón sinh viên	đồng/lượt	02	125.000	250.000	Đưa đón 02 lượt đi và về
2	Chi phí sinh hoạt (tiền điện, tiền nước, dịch vụ internet...)	đồng/sv/đợt	01	280.000	280.000	Mỗi SV được mượn 2 bộ quần áo, 1 chăn đơn, 1 mũ ba cạnh, 1 màn, 1 chiếu
3	Tiền ăn cho khóa học	đồng/ngày	14	75.000	1050.000	
Tổng					1.580.000	

(Một triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng)

4. Yêu cầu:

- Phân hiệu tại tỉnh Thanh Hóa: Đảm bảo cơ sở vật chất; Tổ chức chăm sóc sức khỏe cho cán bộ và sinh viên tại Phân hiệu; Giám sát việc thực hiện kế hoạch giảng dạy và học tập theo kế hoạch đã ban hành.

- Sinh viên tự chuẩn bị đầy đủ tư trang cá nhân cần thiết cho sinh hoạt, học tập hàng ngày (Phân hiệu chỉ bảo đảm trang bị quân trang theo quy định của môn học); Không mang theo các phương tiện đi lại như xe máy, xe đạp, hay các vật dụng công kênh; Thực hiện tốt các biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid-19 trong thời gian học tập.

- Kế hoạch đi chi tiết từng đợt Nhà trường sẽ có thông báo sau.

- Các khoa, bộ môn có trách nhiệm thông báo đến sinh viên được biết và thực hiện.

Đề nghị các đơn vị và sinh viên nghiêm túc thực hiện theo đúng kế hoạch trên./

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐ Trường (để b/c);
- Các đơn vị trực thuộc Trường;
- Phân hiệu Trường tại tỉnh Thanh Hóa;
- Website Trường;
- Lưu: VT, ĐT.VH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Vũ Danh Tuyên